

## **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 6552823718

*Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 3 năm 2023*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ Kết Luận số 681/KL-TU ngày 16/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco tại CCN Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ văn bản số 812/UBND-TNMT ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco;*

*Căn cứ Hợp đồng cho thuê mặt bằng & sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tân Chi – Bắc Ninh số 07/2020/HĐTD/STVN-DABACO ngày 30/7/2020 và số 01/2022/HĐTD/STVN-DABACO ngày 21/3/2022 ký giữa Công ty cổ phần đầu tư Sao Thủy Việt Nam và Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco;*

*Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện Dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco,*



## SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC NINH

### Chứng nhận Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT DABACO

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 2300982079 do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/04/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 10/01/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222.2221888

*Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:*

Họ và tên: Nguyễn Thành Quang

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/11/1979

Quốc tịch : Việt Nam.

Căn cước công dân số: 049079022203; Ngày cấp: 17/7/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Khu 4, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ liên lạc: Khu 4, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

#### Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY ÉP VÀ TINH LUYỆN DẦU ĐẬU NÀNH DABACO**

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật <i>Chi tiết: Sản xuất dầu thực vật thô, dầu ô lưu, dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hướng dương...</i>	1040

3. Quy mô dự án:

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Tháp chiết xuất; Tháp chuẩn bị; Bồn phụ gia; Silo ngày; Khu bồn dầu thô; Nhà nhập liệu; Silo; Nhà nồi hơi+Kho Than; Xưởng Lecithin; Kho thành phẩm; Nhà trưng bày sản phẩm; Tháp tinh luyện; Khu chứa dầu; Nhà bơm; Các hạng mục công trình phụ trợ (Trạm điện+MPD, Máy nén khí+Kho, Kho xá, Xuất bã, Bể nước ngầm, Khu xử lý nước thải, Trạm cân, Phòng cân...).

- Công suất thiết kế: 1.000 tấn đậu tương/ngày.



4. Địa điểm thực hiện dự án: Cụm Công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam (*Thuê đất của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thủy Việt Nam tại Hợp đồng số 07/2020/HĐTD/STVN-DABACO ngày 30/7/2020 và số 01/2022/HĐTD/STVN-DABACO ngày 21/3/2022*).

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 63.017 m<sup>2</sup>.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **924.716.019.000 đồng** (*Bằng chữ: Chín trăm hai mươi bốn tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, không trăm mười chín ngàn đồng*), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư để thực hiện dự án: 130.000.000.000 VNĐ (*Một trăm ba mươi tỷ đồng*) chiếm tỷ lệ 14,06% tổng vốn đầu tư của dự án.

- Vốn huy động của tổ chức tín dụng: 794.716.019.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi tư tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, không trăm mười chín ngàn đồng*) chiếm tỷ lệ 85,94% tổng vốn đầu tư của dự án;

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Theo Hợp đồng thuê đất ký với Công ty cổ phần đầu tư Sao Thủy Việt Nam.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động vốn:

- Tiến độ góp vốn chủ sở hữu: Nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn chủ sở hữu chiếm 14,06% tổng vốn đầu tư của dự án;

- Tiến độ huy động vốn: Công ty huy động nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại là 85,94% tổng vốn đầu tư của dự án, vốn huy động sẽ giải ngân theo tiến độ thực hiện dự án và theo từng giai đoạn đầu tư xây dựng công trình dự kiến giải ngân từ năm 2023 đến năm 2025;

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Từ tháng 07/2020 đến tháng 6/2022: Thực hiện các thủ tục thuê lại đất, san lấp mặt bằng và công tác chuẩn bị đầu tư;

- Tháng 7/2022 – tháng 12/2023: thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư, lên phương án thiết kế bản vẽ thi công, xin cấp phép xây dựng;

- Tháng 01/2024 – tháng 6/2025: Triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án;

- Tháng 7/2025 – tháng 11/2025: Lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị, tuyển dụng lao động, vận hành thử;

- Dự án hoàn thành và đi vào hoạt động: Tháng 12/2025.

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:** Dự án được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.



### **Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:**

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện khác đối với nhà đầu tư:

Công ty TNHH đầu thực vật Dabaco có trách nhiệm thực hiện các điều kiện sau:

- Có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư và pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan; tuân thủ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các quy định của Luật Đất đai.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về địa điểm; các giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc bản sao hợp lệ thỏa thuận thuê địa điểm hoặc văn bản, tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trước khi thực hiện dự án, phải lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; Lập hồ sơ thẩm định công nghệ sử dụng trong dự án theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có).

- Dự án chỉ được triển khai các bước tiếp theo khi hoàn thành các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật. Khi dự án đi vào hoạt động phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

- Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư.

- Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước không giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư với các tổ chức các nhân có liên quan trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi các nội dung đăng ký đầu tư, Công ty tiến hành đăng ký điều chỉnh, bổ sung; thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Pháp luật.

- Có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án tới Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án đến các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan của dự án vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định và theo Biểu 1.1 Phụ lục I - Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ



Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. *Am*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- UBND tỉnh Bắc Ninh (b/c);
- Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Khoa học công nghệ; Công Thương, Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh (p/h);
- UBND huyện Tiên Du (p/h);
- UBND xã Tân Chi (p/h);
- Công ty cổ phần đầu tư Sao Thủy Việt Nam;
- Giám đốc Sở; PGĐ – Đ/c Thành;
- Lưu: KTĐN.



**Nguyễn Quang Thành**

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT DABACO**

V/v: *Phê duyệt dự án Nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành DABACO tại Cụm CN Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh*

- Căn cứ Luật Xây dựng năm 2020 và Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ vào Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Căn cứ Hợp đồng thuê mặt bằng và sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- Căn cứ Văn bản số 28/SXD-QLXD ngày 25/7/2023 của Sở xây dựng Bắc Ninh, V/v thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng Nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành DABACO.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành DABACO tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

**1. Chủ đầu tư và hình thức đầu tư:**

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH dầu thực vật DABACO
- Hình thức đầu tư : Xây dựng mới.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

**2. Địa điểm xây dựng:** Cụm CN Tân Chi- huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh

**3. Quy mô và giải pháp xây dựng:**

**3.1. Quy mô xây dựng:**

- Diện tích mặt đất sử dụng đất: **62.999 m<sup>2</sup>**

Trong đó:

+ Diện tích: 24.864 m<sup>2</sup> (thuê lại đất của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thủy Việt Nam theo Hợp đồng thuê mặt bằng và sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tân Chi, Bắc Ninh số 07/2020/HĐTB/STVN-DABACO ngày 30/7/2020 và Phụ lục hợp đồng).

+ Diện tích: 38.135 m<sup>2</sup> (thuê lại đất của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thủy Việt Nam theo Hợp đồng thuê mặt bằng và sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tân Chi, Bắc Ninh số 01/2023/HĐTB/STVN-DABACO ngày 09/05/2023).





- Quy mô dự án:

+ Đầu tư xây dựng các hạng mục: Tháp chiết xuất, tháp chuẩn bị, bồn phụ gia, (bồn hecxan), silo ngày, khu bồn dầu thô, nhà nhập liệu, silo (silo vỏ, silo đậu nành), nhà nôi hơi + kho than, kho thành phẩm, nhà trung bày sản phẩm, tháp tinh luyện, khu chứa dầu, trạm xuất dầu, nhà bơm (nhà đặt bơm PCCC), các hạng mục phụ trợ (trạm điện + MPD, máy nén khí + kho, kho xá, xuất bã (khu xuất liệu), bể nước ngầm, khu xử lý nước thải, trạm cân, phòng cân,.....).

+ Công suất: 1000 tấn đậu tương/ngày

#### **4. Kinh tế xây dựng:**

**4.1. Tổng mức đầu tư: 1.490.062.079.000 đồng** (Một nghìn bốn trăm chín mươi tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bảy chín nghìn đồng).

##### **Trong đó:**

<b>1. Tổng mức đầu tư TSCĐ</b>	<b>: 924.716.019.000 đồng</b>
+ Xây lắp	: 199.834.957.000 đồng
+ Thiết bị	: 479.170.379.000 đồng
+ Chi khác	: 195.520.207.000 đồng
+ Dự phòng	: 19.983.496.000 đồng
+ Lãi trong thời gian TC	: 30.206.980.000 đồng
<b>2. Vốn lưu động ban đầu</b>	<b>: 565.346.060.000 đồng</b>
<b>Tổng mức đầu tư dự án</b>	<b>: 1.490.062.079.000 đồng</b>

**4.2. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn tự có của chủ đầu tư và vốn vay, vốn huy động.

**5. Phân chia gói thầu:** Công trình tổ chức 05 gói thầu, bao gồm:

- Gói thầu số 1: Phần xây dựng
- Gói thầu số 2: Phần kết cấu thép
- Gói thầu số 3: Hệ thống cấp nước, cứu hoả, trạm biến áp.
- Gói thầu số 4: Sân đường, bãi đỗ xe.
- Gói thầu số 5: Mua sắm thiết bị.

**6. Trách nhiệm của chủ đầu tư:** Quản lý thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về thi công xây dựng công trình.

#### **7. Thời gian thực hiện dự án:**

- Từ tháng 07/2020 đến tháng 6/2022: Thực hiện các thủ tục thuê lại đất, san lấp mặt bằng và công tác chuẩn bị đầu tư;

- Tháng 7/2022 – tháng 12/2023: thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư, lên phương án thiết kế bản vẽ thi công xin cấp phép xây dựng;

- Tháng 01/2024 – tháng 6/2025: Triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án;

- Tháng 7/2025 – tháng 11/2025: Lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị, tuyển dụng lao động, vận hành thử;

- Dự án hoàn thành và đi vào hoạt động Tháng 12/2025.

**Điều 2:** Ban quản lý dự án, Ban tài chính và các phòng, ban chức năng Công ty TNHH dầu thực vật DABACO căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

\* **Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu DA, VT.

**CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT DABACO**



**Nguyễn Thành Quang**





Số: 056/2024/NQ-HĐTV

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 06 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT DABACO**

V/v: Thông qua việc huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư  
Nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco (“Công ty”);
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 2300982079 đăng ký lần đầu ngày 28/04/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/01/2023 của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua việc huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco:

- Hình thức huy động vốn: vay vốn từ Công ty mẹ là Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam.

- Mục đích vay vốn: Thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco.

- Tổng số tiền vay vốn (dự kiến): 1.330.009.290.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm ba mươi tỷ, không trăm linh chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng). Số tiền vay có thể được điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình huy động vốn từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam.





- Thời hạn khoản vay: 72 tháng kể từ ngày nhận mỗi khoản vốn vay. Khoản vay có thể được tắt toán trước hạn hoặc gia hạn bằng văn bản.

- Lãi suất: 0%/năm

- Thời gian nhận vốn vay:

STT	Mục đích	Giá trị nhận dự kiến (VND)	Thời gian nhận dự kiến
1	Đầu tư/ thanh toán tiền mua thiết bị và tài sản cố định cho “Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco”	794.715.019.000	Quý III/2024 – Quý III/2025
2	Đầu tư vốn lưu động ban đầu để vận hành cho “Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco”	535.294.271.000	Quý I/2025 – Quý IV/2025

- Thời gian giải ngân vốn vay: Dự kiến từ quý III/2024 đến quý IV/2025 hoặc tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai dự án.

## **Điều 2: Triển khai thực hiện**

Giao người đại diện theo pháp luật của Công ty, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để triển khai các công việc:

- Thực hiện các thủ tục điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy ép và tinh luyện dầu đậu nành Dabaco với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật

- Thực hiện ký kết các Hợp đồng, Biên bản, văn bản/tài liệu có liên quan theo đúng quy định của Công ty và quy định của pháp luật;

- Thực hiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của pháp luật.



**Điều 3: Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông, bà: Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và Trưởng các phòng, ban chức năng của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung đã được thông qua theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT  
DABACO  
Chủ tịch HĐQT**



**Nguyễn Khắc Thảo**





# Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

1/2/0 0 1/2 1/2/11



# Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2300982079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28 tháng 4 năm 2017, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 10 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất dầu, mỡ động thực vật gồm sản xuất dầu thực vật, dầu ô liu, dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hướng dương, dầu hạt bông, dầu nho, dầu cải, dầu mù tạc, dầu hạt lanh...;
- ▶ Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các hạt có dầu chưa lấy dầu; sản xuất dầu thực vật tinh luyện: dầu ô liu, dầu đậu nành...; và
- ▶ Chế biến dầu thực vật: lọc, khử nước, hidro hóa...; sản xuất đậu nành lên men...

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco.

Công ty có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

### BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Nguyễn Thành Quang	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Giám đốc	miễn nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Việt Đoàn	Phó Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Giám đốc, đồng thời người đại diện theo pháp luật, của Công ty tới ngày 3 tháng 1 năm 2023 là Ông Nguyễn Khắc Thảo và từ ngày 3 tháng 1 năm 2023 là Ông Nguyễn Thành Quang.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Thành Quang  
Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Số tham chiếu: 11658659/67449988

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được kiểm toán.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

  
Nguyễn Quý Mạnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>488.230.236.803</b>	<b>655.883.217.499</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>13.525.047.011</b>	<b>3.809.867.253</b>
111	1. Tiền		3.525.047.011	3.809.867.253
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>74.340.016.848</b>	<b>79.307.748.488</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	26.323.234.246	12.461.591.487
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	47.042.576.633	65.809.440.379
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		974.205.969	1.036.716.622
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>386.752.838.744</b>	<b>559.593.732.055</b>
141	1. Hàng tồn kho		386.752.838.744	559.593.732.055
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.612.334.200</b>	<b>3.171.869.703</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.612.334.200	3.171.869.703
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>551.677.705.300</b>	<b>597.015.537.262</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>530.228.938.598</b>	<b>590.598.269.137</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	530.228.938.598	590.598.269.137
222	Nguyên giá		774.702.398.662	770.923.074.312
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(244.473.460.064)	(180.324.805.175)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>18.490.772.888</b>	<b>1.377.952.896</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	18.490.772.888	1.377.952.896
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.957.993.814</b>	<b>5.039.315.229</b>
268	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.957.993.814	5.039.315.229
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.039.907.942.103</b>	<b>1.252.898.754.761</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>756.160.473.428</b>	<b>917.003.341.769</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>392.743.985.227</b>	<b>916.548.341.769</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	124.418.153.349	811.764.660.353
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	4.410.717.035	6.190.318.959
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.094.913.824	5.864.974.118
314	4. Phải trả người lao động	14	5.224.393.877	1.845.986.825
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	509.625.339	25.520.706.053
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	251.086.181.803	65.361.695.461
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>363.416.488.201</b>	<b>455.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	102.166.488.201	455.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	261.250.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>283.747.468.675</b>	<b>335.895.412.992</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>283.747.468.675</b>	<b>335.895.412.992</b>
411	1. Vốn cổ phần		280.000.000.000	280.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.000.000.000	280.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		15.514.371	15.514.371
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.731.954.304	55.879.898.621
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.731.954.304	55.879.898.621
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.039.907.942.103</b>	<b>1.252.898.754.761</b>



Nguyễn Thị Yên  
Người lập



Nguyễn Thị Yên  
Kê toán trưởng



Nguyễn Thành Quang  
Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	2.684.265.284.871	2.864.488.835.022
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(1.449.001.776)	(2.535.893.231)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	2.682.816.283.095	2.861.952.941.791
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(2.576.159.158.866)	(2.694.360.409.611)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		106.657.124.229	167.592.532.180
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	2.989.492.423	1.912.266.019
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(27.213.888.757) 26.708.401.451	(14.752.205.673) 14.728.267.683
25	8. Chi phí bán hàng	21	(61.179.634.559)	(76.265.102.780)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(16.804.813.399)	(11.017.582.878)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.448.279.937	67.469.906.868
31	11. Thu nhập khác		96.000.000	207.500.000
32	12. Chi phí khác		-	(40.832.801)
40	13. Lợi nhuận khác		96.000.000	166.667.199
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		4.544.279.937	67.636.574.067
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(812.325.633)	(11.756.675.446)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.731.954.304	55.879.898.621



Nguyễn Thị Yên  
Người lập



Nguyễn Thị Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Quang  
Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>4.544.279.937</b>	<b>67.636.574.067</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		73.927.196.181	73.372.459.153
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(34.161.037)	12.291.623
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(497.449.463)	(106.614.299)
06	Chi phí lãi vay	22	26.708.401.451	14.728.267.683
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>104.648.267.069</b>	<b>155.642.978.227</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		49.879.846.007	(56.680.670.271)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		172.840.893.311	(249.690.798.845)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(678.074.165.716)	131.046.457.521
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.640.856.918	(1.840.728.491)
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.306.189.796)	(280.230.975)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.616.166.168)	(16.750.492.688)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(371.986.658.375)</b>	<b>(38.553.485.522)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(65.778.936.993)	(14.671.351.354)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		497.449.463	106.614.299
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(65.281.487.530)</b>	<b>(24.564.737.055)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		576.650.237.126	115.361.695.461
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(129.675.750.784)	(50.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>446.974.486.342</b>	<b>65.361.695.461</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.706.340.437	2.243.472.884
60	Tiền đầu năm		3.809.867.253	1.566.326.952
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.839.321	67.417
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	13.525.047.011	3.809.867.253



Nguyễn Thị Yên  
Người lập



Nguyễn Thị Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Quang  
Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2300982079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28 tháng 4 năm 2017, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 10 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất dầu, mỡ động thực vật. Chi tiết: Sản xuất dầu thực vật, dầu ô liu, dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hướng dương, dầu hạt bông, dầu nho, dầu cải, dầu mù tạc, dầu hạt lanh;
- ▶ Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các hạt có dầu chưa lấy dầu; Sản xuất dầu thực vật tinh luyện: dầu ô liu, dầu đậu nành...; và
- ▶ Chế biến dầu thực vật: lọc, khử nước, hidro hóa; Sản xuất đậu nành lên men...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 511 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 478 nhân viên).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                    |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Nhà cửa và vật kiến trúc	15 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 năm

#### 3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho công ty mẹ sau khi được Ban Giám đốc phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	253.255	244.052.919
Tiền gửi ngân hàng	3.524.793.756	3.565.814.334
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.525.047.011</b>	<b>3.809.867.253</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 3,2%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3,2%/năm đến 6,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022 từ 3,7% đến 5,5%/năm), toàn bộ khoản tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 15.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.720.068.188	12.078.315.862
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	18.609.842.880	-
- Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà	3.110.309.700	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Bán lẻ SNB	1.062.848.358	8.938.725.609
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.937.067.250	3.139.590.253
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	603.166.058	383.275.625
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.323.234.246</b>	<b>12.461.591.487</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần CPT Group	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Alpha	16.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Sản xuất Hoàng Hà	5.000.000.000	-
Công ty The Andersons	-	65.361.695.461
Các khoản trả trước khác	6.042.576.633	447.744.918
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.042.576.633</b>	<b>65.809.440.379</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	221.058.462.182	350.866.861.612
Thành phẩm	165.691.426.884	208.723.456.365
Hàng hóa	2.949.678	3.414.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>386.752.838.744</b>	<b>559.593.732.055</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư hàng tồn kho với giá trị khoảng 386,8 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	375.789.068.731	374.009.020.616	12.518.708.145	8.606.276.820	770.923.074.312
- Mua trong năm	-	-	1.671.450.910	2.107.873.440	3.779.324.350
Số cuối năm	375.789.068.731	374.009.020.616	14.190.159.055	10.714.150.260	774.702.398.662
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	63.622.303.544	106.433.527.242	5.494.555.644	4.774.418.745	180.324.805.175
- Khấu hao trong năm	22.816.921.896	37.417.652.046	2.192.825.583	1.721.255.364	64.148.654.889
Số cuối năm	86.439.225.440	143.851.179.288	7.687.381.227	6.495.674.109	244.473.460.064
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	312.166.765.187	267.575.493.374	7.024.152.501	3.831.858.075	590.598.269.137
Số cuối năm	289.349.843.291	230.157.841.328	6.502.777.828	4.218.476.151	530.228.938.598
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	274.847.877.189	230.157.841.328	773.569.701	2.631.392.529	508.410.680.747

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định là nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi và thiết bị văn phòng với giá trị còn lại là khoảng 508,4 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	2.190.020.694	2.090.218.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.587.114	523.065.031
Khác	864.726.392	558.586.031
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.612.334.200</u></b>	<b><u>3.171.869.703</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	1.940.863.041	4.296.786.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.455.185	508.372.787
Khác	368.675.588	234.156.167
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.957.993.814</u></b>	<b><u>5.039.315.229</u></b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng nhà máy giai đoạn II	18.490.772.888	1.377.952.896
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.490.772.888</u></b>	<b><u>1.377.952.896</u></b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả nhà cung cấp	12.994.778.363	13.379.711.358
- Công ty TNHH Thuận An	8.016.603.100	6.411.561.420
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Giang	1.032.548.000	1.188.291.500
- Phải trả đối tượng khác	3.945.627.263	5.779.858.438
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	111.423.374.986	798.384.948.995
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>124.418.153.349</u></b>	<b><u>811.764.660.353</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quảng Lộc	795.787.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Anh	706.038.000	405.139.000
Công ty TNHH Nông lâm sản Bình Phát	670.000.000	-
Công ty Liaocheng Jiasheng Energy	9.946.962	2.846.944.800
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà	-	1.726.890.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.228.945.073	1.211.345.159
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.410.717.035</b>	<b>6.190.318.959</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	4.248.828.065	49.174.744.109	47.140.963.868	6.282.608.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.616.146.053	812.325.633	1.616.166.168	812.305.518
Thuế nhập khẩu	-	158.488.070	158.488.070	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	149.676.600	149.676.600	-
Thuế khác	-	555.338.545	555.338.545	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.864.974.118</b>	<b>50.850.572.957</b>	<b>49.620.633.251</b>	<b>7.094.913.824</b>

## Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.361.695.461	648.693.056.691	648.693.056.691	(517.968.570.349)	196.086.181.803	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	55.000.000.000	55.000.000.000	-	55.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.361.695.461</b>	<b>703.693.056.691</b>	<b>703.693.056.691</b>	<b>(517.968.570.349)</b>	<b>251.086.181.803</b>	
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn ngân hàng	-	330.000.000.000	330.000.000.000	(68.750.000.000)	261.250.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>(68.750.000.000)</b>	<b>261.250.000.000</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**15.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Ba Đình (*)	133.873.004.787	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 1 năm. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 26 hàng tháng.	4,20% - 6,56%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh (**)	62.213.177.016	Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 25 hàng tháng.	4,7% - 7,8%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>196.086.181.803</b>		

(\*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Ba Đình:

- ▶ Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty TNHH Dầu Thực vật Dabaco tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Ba Đình;
- ▶ Công trình xây dựng và lợi thế thương mại tại thửa đất số 427 và 428, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 439990 và CR 440000 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19/12/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam;
- ▶ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 91 Hồ Xuân Hương, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 844565 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/02/2019 cho Công ty TNHH Mai Anh My, chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ngày 20/10/2021;
- ▶ Hàng tồn kho của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco;
- ▶ Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam.

(\*\*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bắc Ninh:

- ▶ Số dư tài khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 282/2023/12247 ký ngày 28/04/2023;
- ▶ Nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco; và
- ▶ Tài sản gắn liền với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 31 có diện tích 36.301 m<sup>2</sup> tại xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 439992 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/12/2019, sổ vào sổ cấp GCN: CT28962.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**15.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Ba Đình	316.250.000.000	Gốc vay được trả trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 1 năm 2029. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 26 hàng tháng.	7,6% - 8,5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>316.250.000.000</u></b>		
<i>Trong đó</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	55.000.000.000		
Vay dài hạn	261.250.000.000		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty TNHH Dầu Thực vật Dabaco tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Ba Đình;
- ▶ Công trình xây dựng và lợi thế thương mại tại thửa đất số 427 và 428, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 439990 và CR 440000 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19/12/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam;
- ▶ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 91 Hồ Xuân Hương, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 844565 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/02/2019 cho Công ty TNHH Mai Anh Mỹ, chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ngày 20/10/2021;
- ▶ Hàng tồn kho của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco;
- ▶ Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam;
- ▶ Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy ép dầu giai đoạn 1 của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; và
- ▶ Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy ép dầu giai đoạn 1 của Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	498.153.054	1.278.903.294
Phải trả khác	11.472.285	15.224.759
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	24.226.578.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>509.625.339</b>	<b>25.520.706.053</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	559.000.000	455.000.000
Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	101.607.488.201	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.166.488.201</b>	<b>455.000.000</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn điều lệ đã góp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	280.000.000.000	-	15.514.371	280.015.514.371
- Lợi nhuận trong năm	-	55.879.898.621	-	55.879.898.621
Số cuối năm	280.000.000.000	55.879.898.621	15.514.371	335.895.412.992
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	280.000.000.000	55.879.898.621	15.514.371	335.895.412.992
- Lợi nhuận trong năm	-	3.731.954.304	-	3.731.954.304
- Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	(55.879.898.621)	-	(55.879.898.621)
Số cuối năm	280.000.000.000	3.731.954.304	15.514.371	283.747.468.675

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	Vốn điều lệ (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	280.000.000.000	100%	280.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>280.000.000.000</b>

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	77.542,00	341,33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.684.265.284.871</b>	<b>2.864.488.835.022</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.670.140.985.775	2.849.155.079.269
<i>Doanh thu khác</i>	14.124.299.096	15.333.755.753
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(1.449.001.776)</b>	<b>(2.535.893.231)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.449.001.776)	(2.535.893.231)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.682.816.283.095</b>	<b>2.861.952.941.791</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.668.691.983.999	2.846.619.186.038
<i>Doanh thu khác</i>	14.124.299.096	15.333.755.753
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 25)</i>	1.543.596.449.823	1.177.759.129.486
<i>Doanh thu với bên khác</i>	1.139.219.833.272	1.684.193.812.305

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.492.042.960	1.805.651.720
Lãi tiền gửi	497.449.463	106.614.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.989.492.423</b>	<b>1.912.266.019</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm	2.576.159.158.866	2.694.360.409.611
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.576.159.158.866</b>	<b>2.694.360.409.611</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>61.179.634.559</b>	<b>76.265.102.780</b>
- Chi phí nhân viên	39.499.953.038	41.888.910.264
- Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	785.663.115	653.789.092
- Chi phí khấu hao	3.210.717.999	3.096.447.942
- Chi phí mua ngoài	16.142.959.122	16.105.998.965
- Chi phí bằng tiền khác	1.540.341.285	14.519.956.517
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.804.813.399</b>	<b>11.017.582.878</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	11.716.591.185	6.489.417.563
- Chi phí vật liệu quản lý	237.732.351	240.890.840
- Chi phí khấu hao	1.721.255.364	1.687.904.628
- Thuế và lệ phí	1.580.762.720	1.366.305.377
- Chi phí bằng tiền khác	1.548.471.779	1.233.064.470
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.984.447.958</b>	<b>87.282.685.658</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	26.708.401.451	14.728.267.683
Chiết khấu thanh toán	505.487.306	23.937.990
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.213.888.757</b>	<b>14.752.205.673</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.424.293.163.674	2.630.165.637.620
Chi phí nhân công	63.321.389.673	59.398.017.745
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.927.196.181	73.372.459.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.565.353.356	32.535.731.166
Chi phí khác	17.004.010.059	9.128.523.431
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.611.111.112.943</b>	<b>2.804.600.369.115</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất dầu ăn và 20% cho các hoạt động khác trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	812.325.633	11.756.675.446
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>812.325.633</b>	<b>11.756.675.446</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.544.279.937	67.636.574.067
Thuế TNDN theo thuế suất của từng hoạt động	672.674.428	11.492.182.044
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	22.390.536	147.437.951
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	117.260.669	117.055.451
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>812.325.633</b>	<b>11.756.675.446</b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Tập đoàn Dabaco	Công ty mẹ	Bán hàng	1.540.851.892.885	1.175.103.271.312
		Mua nguyên vật liệu	1.841.263.986.535	2.751.957.085.180
		Chi phí sử dụng tài sản	9.778.541.992	9.778.541.992
		Lãi vay phân bổ	5.402.211.655	14.448.036.078
		Chia cổ tức	55.879.898.621	17.291.714.919
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Công ty con cùng công ty mẹ	Bán hàng	2.744.556.938	2.655.858.174
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Dabaco	Công ty con cùng công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp và xây dựng	762.833.133	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Công ty con cùng công ty mẹ	Bán hàng hóa	560.708.633	383.275.625
Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	Công ty con cùng công ty mẹ	Bán hàng hóa	42.457.425	-
			<b>603.166.058</b>	<b>383.275.625</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</i></b>				
Công ty Tập đoàn Dabaco	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	110.737.169.130	795.203.528.687
Công ty Cổ phần Transeco	Bên liên quan khác	Dịch vụ vận chuyển	686.205.856	3.181.420.308
			<b>111.423.374.986</b>	<b>798.384.948.995</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty Tập đoàn Dabaco	Công ty mẹ	Nhận tài trợ vốn	-	24.226.578.000
			<b>-</b>	<b>24.226.578.000</b>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty Tập đoàn Dabaco	Công ty mẹ	Nhận tài trợ vốn	101.607.488.201	-
			<b>101.607.488.201</b>	<b>-</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>		
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Ông Nguyễn Thành Quang	Giám đốc	795.487.150	-	
Ông Nguyễn Việt Đoàn	Phó Giám đốc	568.924.150	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.364.411.300</b>	<b>-</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dự án Nhà máy Dầu thực vật Dabaco Oil giai đoạn 2***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các cam kết liên quan đến việc xây dựng phát triển Nhà máy Dầu thực vật Dabaco Oil giai đoạn 2 với tổng giá trị ước tính là 861 tỷ VND.

***Cam kết liên quan đến nghĩa vụ với Nhà nước***

Tại ngày 4 tháng 11 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho 59.885,4 m<sup>2</sup> đất được bàn giao tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh để thực hiện xây dựng Nhà máy ép dầu Dabaco Oil giai đoạn 1 (với thời hạn thuê đến hết ngày 4 tháng 11 năm 2066). Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có nghĩa vụ tiền thuê đất phải nộp ước tính đến hết thời hạn thuê đất là 24 tỷ VND.

**26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Yên  
Người lập



Nguyễn Thị Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Quang  
Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024